

(v/v: Giải trình chênh lệch BCTC  
riêng và báo cáo hợp nhất quý I/2022).

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ theo quy định tại thông tư 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng và báo hợp nhất quý I/2022 như sau:

**Báo cáo tài chính riêng:**

CHỈ TIÊU	Quý I.2022	Quý I.2021	Chênh lệch	% chênh lệch
	VND	VND	VND	%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	442.250.579.378	449.523.792.859	(7.273.213.481)	-1,6%
Giá vốn hàng bán	384.127.233.558	404.054.859.865	(19.927.626.307)	-4,9%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.123.345.820	45.468.932.994	12.654.412.826	27,8%
Doanh thu hoạt động tài chính	2.495.553.720	16.096.928.845	(13.601.375.125)	-84,5%
Chi phí tài chính	26.372.534.427	25.599.863.681	772.670.746	3,0%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23.491.340.099</i>	<i>23.300.907.326</i>	<i>190.432.773</i>	<i>0,8%</i>
Chi phí bán hàng	16.791.159.273	18.034.543.310	(1.243.384.037)	-6,9%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.442.118.167	16.979.096.716	(1.536.978.549)	-9,1%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.013.087.673	952.358.132	1.060.729.541	111,4%
Thu nhập khác	850.625.898	1.610.070.145	(759.444.247)	-47,2%
Chi phí khác	861.005.897	396.166.149	464.839.748	117,3%
Lợi nhuận khác	(10.379.999)	1.213.903.996	(1.224.283.995)	-100,9%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.002.707.674	2.166.262.128	(163.554.454)	-7,6%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.469.244.747	2.166.262.128	(697.017.381)	-32,2%

**Báo cáo tài chính hợp nhất:**

CHỈ TIÊU	Quý I.2022	Quý I.2021	Chênh lệch	% chênh lệch
	VND	VND	VND	%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.359.211.748.426	855.343.980.580	503.867.767.846	59%
Giá vốn hàng bán	1.047.339.860.609	654.383.187.236	392.956.673.373	60%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	311.871.887.817	200.960.793.344	110.911.094.473	55%
Doanh thu hoạt động tài chính	25.992.177.169	36.806.071.427	(10.813.894.258)	-29%
Chi phí tài chính	148.993.203.410	100.381.350.109	48.611.853.301	48%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>144.353.759.091</i>	<i>97.145.913.587</i>	<i>47.207.845.504</i>	<i>49%</i>
Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết, liên	4.645.200.262	5.703.156.180	(1.057.955.918)	-19%
Chi phí bán hàng	101.952.656.348	68.644.630.604	33.308.025.744	49%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	78.076.992.990	68.302.214.980	9.774.778.010	14%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.486.412.500	6.141.825.258	7.344.587.242	120%
Thu nhập khác	3.111.808.728	3.062.925.967	48.882.761	2%
Chi phí khác	6.092.719.917	1.436.308.507	4.656.411.410	324%
Lợi nhuận khác	(2.980.911.189)	1.626.617.460	(4.607.528.649)	-283%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.505.501.311	7.768.442.718	2.737.058.593	35%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.508.029.593	4.556.271.576	951.758.017	21%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(31.354.692)	(37.770.209)	6.415.517	-17%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.028.826.410	3.249.941.351	1.778.885.059	55%

**Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo riêng quý I/2022 giảm khoảng 697 triệu so với cùng kỳ năm trước,** đồng thời doanh thu thuần giảm nhẹ khoảng 7,2 tỷ, chủ yếu do nhu cầu thị trường chung vẫn chưa hồi phục sau Covid, đồng thời các chi phí nguyên vật liệu, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp đều gia tăng do ảnh hưởng các vấn đề chính trị bất ổn trên thế giới.

**Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất quý I/2022 tăng 1,8 tỷ đồng tương đương 55% so với cùng kỳ năm 2021,** tương đương tăng trưởng của doanh thu do gia tăng quy mô hợp nhất và một số mảng kinh doanh phục hồi và khởi sắc sau dịch bệnh.

Nay Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai xin giải trình với Ủy Ban Chứng Khoán, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và các nhà Đầu tư được rõ.

Trân trọng kính chào!

Ngày 29 tháng 04 năm 2022

**CÔNG TY CP NHỰA ĐỒNG NAI**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Văn Hiếu*

